

THÔNG BÁO

**V/v lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về dự thảo Kế hoạch sử dụng đất
năm 2021 của thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày, 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/NĐ-CP, ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BNTMT, ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP, ngày 06/06/2013 của Chính phủ về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND, ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về việc danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND, ngày 22/05/2020 của HĐND tỉnh về việc Điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 08/07/2020 của HĐND tỉnh về việc Bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-UBND, ngày 03/07/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND, ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Buôn Hồ;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Buôn Hồ lần thứ XVI nhiệm kỳ (2020-2025), ngày 04/8/2020 về tổng kết, đánh giá kết quả triển khai

thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm (2015-2020), phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 5 năm 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 6624/UBND-NNMT, ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện, thị xã, thành phố; Công văn số 2188/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/08/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trình HĐND tỉnh thông qua; Trên cơ sở đó, UBND thị xã đã tiến hành phối hợp với các phòng, ban, ngành và UBND các xã, phường đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2020. Đồng thời thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Buôn Hồ trên cơ sở rà soát tổng hợp tất cả các nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các công trình dự án, nhu cầu sử dụng đất của các xã, các đơn vị, các tổ chức... Được tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất và đã gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đăng ký Danh mục công trình, dự án khi thực hiện thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trình HĐND tỉnh thông qua năm 2020 trên địa bàn thị xã tại Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 04/09/2020 của UBND thị xã.

Đồng thời Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã đã tổ chức rà soát nhu cầu sử dụng đất của các đơn vị, UBND các xã, phường trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Hiện nay Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã đã cơ bản hoàn thành; thực hiện theo Điều 43 của Luật đất đai 2013, Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ thực hiện lấy ý kiến nhân dân đóng góp về dự thảo “Kế hoạch sử dụng năm 2021 của thị xã Buôn Hồ” với những nội dung sau đây:

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020

Căn cứ Báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Buôn Hồ đã được phê duyệt tại Quyết định số 547/QĐ-UBND, ngày 17/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2020 kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 như sau:

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2020, biến động đất đai 2019-2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng Kiểm kê năm 2019	Diện tích kế hoạch được duyệt 2020 (ha)	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2020		
					Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)/(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		28,260.99	28,260.99	28,260.99	0.00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	25,219.34	25,165.85	25,190.98	25.14	100.10
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,589.59	716.99	1,589.54	872.543	221.69
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	746.24	716.99	746.24	29.25	104.08

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,404.81	2,294.13	1,404.44	-889.69	61.22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	22,037.12	21,177.99	22,009.18	831.19	103.92
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	48.78	40.96	48.78		119.10
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	130.44	130.38	130.44	0.06	100.05
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	8.60	8.05	8.60	0.55	106.85
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,005.35	3,044.24	3,033.86	-10.39	99.66
2.1	Đất quốc phòng	CQP	242.02	218.84	242.02	23.18	110.59
2.2	Đất an ninh	CAN	2.22	2.09	2.22	0.12	105.90
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9.07	15.34	9.27	-6.07	60.45
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10.92	8.20	10.92	2.72	133.23
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, xã	DHT	1,503.30	1,516.61	1,517.81	1.20	100.08
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1,044.92	1,042.02	1,046.69	4.67	100.45
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	378.23	386.02	378.54	-7.47	98.06
2.9.3	Đất công trình năng lượng	DNL	0.81	1.95	0.81	-1.14	41.58
2.9.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0.75	0.77	0.75	-0.02	97.54
2.9.5	Đất cơ sở văn hóa	DVH	3.86	5.62	7.34	1.72	130.70
2.9.6	Đất cơ sở y tế	DYT	4.01	4.06	4.01	-0.05	98.67
2.9.7	Đất cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	51.12	54.81	58.72	3.91	107.13
2.9.8	Đất cơ sở thể dục- thể thao	DTT	13.90	14.04	15.38	1.33	109.48
2.9.9	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-	-	-		
2.9.10	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-	-	-		
2.9.11	Đất chợ	DCH	5.70	7.32	5.58	-1.74	76.19
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-	-		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0.03	7.69	0.03	-7.66	0.44
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	401.77	398.29	409.23	10.94	102.75
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	430.75	469.13	436.82	-32.31	93.11
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10.43	10.33	10.43	0.10	100.94
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2.51	2.66	2.51	-0.14	94.67
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13.06	15.79	13.06		82.75
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	82.84	83.60	82.84	-0.76	99.09
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm	SKX	28.43	28.43	28.43		100.00

	đồ góm						
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7.43	6.65	7.52	0.868	113.06
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2.17	2.48	2.35	-0.13	94.58
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0.03	0.03	0.03	0.00	99.97
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	253.24	252.97	253.24	0.27	100.11
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	5.12	5.12	5.12	0.00	100.00
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	36.30	50.90	36.15	-14.75	71.02

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2020		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	71.74	28.31	-43.43	39.46
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0.75		-0.75	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>			0.00	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4.39	0.37	-4.02	8.42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	66.53	27.94	-38.59	41.99
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp					
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2.82	0.12	-2.70	4.26

1.3. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch 2020 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2020		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH		43.43	12.95	-30.477	29.83
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.2	12.86	-28.34	31.21
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0.75	0.05	-0.7	6.67
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.77		-3.77	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	36.68	12.81	-23.87	34.92
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.23	0.093	-2.13	4.17
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

- Đất nông nghiệp phải thu hồi theo kế hoạch được duyệt là 41,2 ha, ước đến 31/12/2020 thực hiện được 12,95 ha, đạt 29,83% so với kế hoạch được duyệt. Bao gồm thu hồi 07 danh mục công trình: công trình Trường THPT Dân tộc nội trú Đam San, diện tích thu hồi 7,6 ha. Đường vào Trường Trung học phổ thông Dân tộc Nội trú Đam San diện tích thu hồi 0,33 ha. Nâng cấp, mở rộng đường Văn Tiến Dũng, phường An Bình (0,02 ha); Khu sinh hoạt văn hóa Thể thao Nhân dân thị xã Buôn Hồ (1,47 ha); Quảng trường trung tâm thị xã Buôn Hồ (3,23 ha); Mở rộng Hồ Ea Nao Đar (0,15 ha); Mở rộng Hồ Ea Ngách (0,16).

- Đất phi nông nghiệp phải thu hồi theo kế hoạch được duyệt là 2,23 ha, Trong năm 2020 thực hiện thu hồi 0,093 ha, đạt 4,17% so với kế hoạch được duyệt.

- Trong năm 2020 trên địa bàn thị xã Buôn Hồ có 17 công trình, dự án khi thực hiện phải thu hồi đất theo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, với diện tích 116,5 ha: Tổng số đã thực hiện 7/17 công trình dự án trong các Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 08/7/2020; có tổng diện tích đã thực hiện thu hồi là 12,95 ha; đạt 29,8% theo tổng diện tích phải thu hồi, trong đó đã sử dụng thu hồi đất nông nghiệp 12,86 ha, đất phi nông nghiệp 0,093 ha.

- Công trình dự án chuyển tiếp thực hiện trong năm 2021: là 10/17 công trình; có tổng diện tích tiếp tục chuyển sang thực hiện thu hồi trong năm 2021 là 100,67 ha, trong đó sử dụng thu hồi đất đất nông nghiệp: 96,05 ha; đất phi nông nghiệp: 4,62 ha.

2. Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã

2.1. Diện tích, tăng giảm các loại đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích dự kiến năm 2020	Kế hoạch SDD năm 2021	
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp	NPP	25,190.98	25,043.65	-147.33
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,589.54	1,586.89	-2.65
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>746.24</i>	<i>746.24</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,404.44	1,399.76	-4.68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	22,009.18	21,869.18	-140.01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	48.78	48.78	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	130.44	130.44	
	Đất làm muối	LMU	-	-	
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	8.60	8.60	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,033.86	3,181.19	147.34
2.1	Đất quốc phòng	CQP	242.02	242.02	
2.2	Đất an ninh	CAN	2.22	2.42	0.20
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	

2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9.27	9.58	0.31
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10.92	10.92	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1,517.81	1,605.64	87.83
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1,046.69	1,055.23	8.54
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	378.54	378.50	-0.04
2.9.3	Đất công trình năng lượng	DNL	0.81	79.73	78.92
2.9.4	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0.75	0.75	
2.9.5	Đất cơ sở văn hóa	DVH	7.34	7.34	
2.9.6	Đất cơ sở y tế	DYT	4.01	4.01	
2.9.7	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	58.72	59.13	0.41
2.9.8	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	15.38	13.55	-1.83
2.9.9	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-	-	
2.9.10	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-	-	
2.9.11	Đất chợ	DCH	5.58	7.41	1.83
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0.03	4.03	4.00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	409.23	415.33	6.10
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	436.82	485.58	48.76
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10.43	10.78	0.35
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2.51	2.62	0.11
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13.06	13.06	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa,	NTD	82.84	82.45	-0.39
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	28.43	28.43	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7.52	7.30	-0.22
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2.35	2.63	0.28
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0.03	0.03	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	253.24	253.24	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	5.12	5.12	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	36.15	36.15	

2.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	147.34
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2.65
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4.68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	140.01
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,80

2.3. Diện tích thu hồi đất đất năm 2021:

Tổng diện tích đất cần thu hồi trong năm 2021 để thực hiện các công trình, dự án là 120,98 ha. Trong đó thu hồi diện tích đất nông nghiệp 118,75 ha; đất phi nông nghiệp 2,23 ha. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG CỘNG		98.15
1	Đất nông nghiệp	NNP	96.05
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.70
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	89.65
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,10
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,20
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,90

2.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất chưa sử dụng còn 36,15 ha. Kế hoạch 2021 thực hiện giữ nguyên diện tích đất chưa sử dụng.

3. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

3.1. Công trình dự án chuyển từ năm 2020 sang 2021

- Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh: 04 công trình với tổng diện tích đăng ký 0,24 ha

- Công trình, dự án đầu tư công của địa phương: 13 công trình với tổng diện tích đăng ký 15,77 ha (trong đó có 07 công trình dự án phải thu hồi đất với diện tích là 1,45 ha;

- Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương: 5 công trình với tổng diện tích đăng ký 103,7 ha;

- Công trình, dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất: 07 công trình với tổng diện tích đăng ký 0,56 ha;

3.2. Công trình dự án năm 2021

- Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh: 01 công trình với tổng diện tích đăng ký 0,2 ha

+ Công trình, dự án đầu tư công của địa phương: 1 công trình, diện tích 0,41 ha.

- Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương: 2 công trình với tổng diện tích đăng ký 13,83 ha;

(Có Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2021 thị xã Buôn Hồ kèm theo)

4. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2021 của thị xã Buôn Hồ



Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thị xã trong năm 2021, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

- Tổ chức công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Buôn Hồ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã và trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin điện tử của thị xã, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Triển khai có hiệu quả các giải pháp tạo nguồn thu, chống thất thu, tiết kiệm chi, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng để tạo nguồn phục vụ cho đầu tư phát triển, tăng tỷ lệ tích lũy nội bộ nền kinh tế địa phương.

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí công cộng.

- Tăng cường xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá tiềm năng kinh tế, du lịch, thương mại của thị xã Buôn Hồ để thu hút vốn đầu tư vào các lĩnh vực có ưu thế,... Kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư dưới nhiều hình thức như: Đầu giá quyền sử dụng đất, thuê đất trả tiền một lần hoặc hàng năm,...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất ở địa phương để có các giải pháp thực hiện tốt kế hoạch được phê duyệt.

- UBND các xã, phường căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của thị xã Buôn Hồ đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Khi có biến động về nhu cầu sử dụng đất trong năm 2021 thì phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo quy định hiện hành trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

Trên đây là nội dung chính của dự thảo “Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Buôn Hồ”. Ủy ban nhân dân thị xã triển khai thực hiện lấy ý kiến nhân dân đóng góp về các nội dung; để UBND thị xã tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện những bước tiếp theo của công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã./.

Nơi nhận:

- Ban biên tập Website thị xã;
- Thường trực Thị ủy;
- VP thị Ủy;
- Thường trực HĐND-UBND thị xã;
- VP HĐND-UBND thị xã;
- CT; PCT UBND thị xã;
- Các phòng, ban, ngành thị xã;
- Hội nông dân, Hội phụ nữ thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TN&MT (Hà).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Dũng



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 THỊ XÃ BUÔN HỒ

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	Mã LĐ	Tổng diện tích (ha)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm (cấp xã)
	TỔNG			134.71		
A	Danh mục, công trình thực hiện mới trong năm 2020			14.44		
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh			0.20		
1	Trụ sở công An xã Cư Bao	Công an tỉnh Đắk Lắk	TSC	0.20	CA Tỉnh	Xã Cư Bao
II	Công trình, dự án đầu tư công của địa phương			0.41		
1	Mở rộng trường Tiểu Học Trần Quốc Tuấn	UBND thị xã	DGD	0.41	Ngân sách thị xã	Bình Thuận
III	Công trình, dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất			-		
IV	Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương			13.83		
1	Nhà máy điện gió Ea Drong 1 (Xã Cư Bao)	Công ty CP phát triển bất động sản DPV	DNL	11.41	Vốn ngoài NS	
2	Nhà máy điện gió Ea Drong 2 (Xã Cư Bao)		DNL	2.42	Vốn ngoài NS	
V	Chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân			18.30		
1	Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường An Bình	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	1.50		P. An Bình
2	Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường An Lạc	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	2.00		P. An Lạc
3	Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Bình Tân	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	1.50		P. Bình Tân
4	Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Đạt Hiếu	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	1.50		P. Đạt Hiếu
5	Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Đoàn Kết	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	1.50		P. Đoàn Kết
6	Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Thiện An	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	3.00		P. Thiện An
7	Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Thống Nhất	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	1.00		P. Thống Nhất
11	Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Bình Thuận	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	1.30		Xã. Bình Thuận
12	Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Cư Bao	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	1.00		Xã Cư Bao



Handwritten signature in blue ink.

13	Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Ea Blang	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	1.00		Xã Ea Blang
14	Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Ea Drông	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	1.00		Xã Ea Drông
15	Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Ea Siên	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	2.00		Xã Ea Siên
B	Danh mục, công trình chuyển tiếp từ năm 2020 sang năm 2021			120.27		
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh			0.24		
1	Trụ sở công An xã Ea Blang	Công an tỉnh Đắk Lắk	TSC	0.08	CA Tỉnh	Xã Ea Blang
2	Trụ sở công An xã Ea Drông	Công an tỉnh Đắk Lắk	TSC	0.03	CA Tỉnh	Xã Ea Drông
3	Trụ sở công An xã Ea Siên	Công an tỉnh Đắk Lắk	TSC	0.03	CA Tỉnh	Xã Ea Siên
4	Trụ sở công An xã Bình Thuận	Công an tỉnh Đắk Lắk	TSC	0.10	CA Tỉnh	Xã Bình Thuận
II	Công trình, dự án đầu tư công của địa phương			15.77		
1	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ	UBND thị xã	TSC	0.35	Viện kiểm sát tỉnh	P. An Lạc
2	Trụ sở làm việc Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Buôn Hồ	Sở TNMT	DTS	0.11	Ngân sách tỉnh	P. An Lạc
3	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ điện lưới Quốc Gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	DNL	0.03	Ngân sách TW	Xã Ea Drông
4	Cấp điện nông thôn từ điện lưới Quốc Gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GĐ 2) giai đoạn 2015 - 2020	Sở Công thương	DNL	0.04	Ngân sách TW	Xã Ea Siên
5	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắk Lắk	Ban quản lý dự án Lưới điện miền Trung	DNL	0.39	Ngân sách nhà nước	P. An Lạc; xã Cư Bao, xã Bình Thuận
6	Xây dựng Chợ trung tâm phường Thống Nhất	UBND phường	DCH	1.83	Ngân sách thị xã	P. Thống Nhất
7	Xây dựng tiếp nối tuyến đường Hải Thượng Lãn Ông	UBND Phường	DGT	0.18	Ngân sách thị xã	P. Thiện An

8	Đường giao thông từ xã Ea Drông thị xã Buôn Hồ đi xã Phú Xuân Huyện Krông Năng	UBND thị xã	DGT	8.10	Ngân sách thị xã	Xã Ea Drông
9	Bến xe Buôn Hồ tại Phường An Bình	UBND thị xã	DGT	0.39	Ngân sách thị xã	P. An Bình
10	Tiểu Hoa Viên Đạt Hiếu	UBND thị xã	DKV	0.28	Ngân sách thị xã	P. Đạt Hiếu
11	Nhà sinh hoạt Tổ dân phố 1, phường Bình Tân	UBND thị xã	DSH	0.02	Ngân sách thị xã	P. Bình Tân
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Quyết Thắng	UBND thị xã	DSH	0.05	Ngân sách thị xã	Xã Ea Blang
13	Cơ sở xử lý chất thải rắn	UBND thị xã	DRA	4.00	Ngân sách thị xã	Xã Ea Drông
III Công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất				0.56		
1	Đấu giá 18 lô đất, tờ bản đồ số 48 tại khu vực chợ xã Ea Blang	UBND thị xã	ONT	0.22		Xã Ea Blang
2	Đấu giá trụ sở HĐND - UBND phường An Lạc cũ	UBND thị xã	ODT	0.09		Phường An Lạc
3	Đấu giá Khu vực Hợp tác xã kinh doanh tổng hợp Thiện An (phần diện tích còn lại 11 lô)	UBND thị xã	ODT	0.11		Phường Thiện An
4	Đấu giá 5 ki ốt đường Phạm Ngũ Lão (phía Bưu điện)	UBND thị xã	TMD	0.02		Phường An Bình
5	Dãy ki ốt phía Nhà Văn hóa (phía Bắc), đường Phạm Ngũ Lão, phường An Bình. Tổng số lô: Còn lại 12 ki ốt	UBND thị xã	TMD	0.02		Phường An Bình
6	Đấu giá trụ sở Trạm Bảo vệ thực vật thị xã	UBND thị xã	ODT	0.006		P. An Lạc
7	Đấu giá khu vực đất nhà tập thể giáo viên xã Cư Bao	UBND thị xã	ONT	0.10		Xã Cư Bao
IV Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương				103.70		
1	Khu dân cư đô thị Tây Bắc II (An Lạc)	Liên danh Công ty cổ phần Thương mại – Quảng cáo – Xây dựng - Địa ốc Việt Hân và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang	KDT	22.83	Vốn ngoài NS	P. An Lạc
	Khu dân cư đô thị Tây Bắc II (Đạt Hiếu)		KDT	4.17		P. Đạt Hiếu

2	Mở rộng khu đô thị Đông Nam	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và thương mại VN Đà Thành	KDT	11.76	Vốn ngoài NS	P. An Lạc
3	Cơ sở kinh doanh thương mại	Doanh nghiệp	TMD	0.10	Vốn ngoài NS	Xã Bình Thuận
4	Trung tâm nhà hàng tiệc cưới	Doanh nghiệp	TMD	0.21	Vốn ngoài NS	P. An Lạc
5	Nhà máy điện gió thị xã Buôn Hồ 3 giai đoạn II (Xã Bình Thuận, Ea Siên, Cư Bao, Bình Tân)	Công ty CP năng lượng tái tạo	DNL	64.63	Vốn ngoài NS	Bình Thuận, Ea Siên, Cư Bao, Bình Tân

Handwritten signature

